

Số: 04/QĐ - VP

Phước Bình, ngày 7 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân phường Phước Bình về việc thành lập Văn phòng HĐND và UBND phường Phước Bình;

Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND phường Phước Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng HĐND & UBND phường Phước Bình;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND phường Phước Bình về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho đơn vị sử dụng ngân sách theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng KT, HT & ĐT
- Phòng giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII;
- Lưu: VT, KT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Viết Thuật



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND phường Phước Bình

Mã số: 1150637

Mã KBNN nơi giao dịch: 1779

(Kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-VP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng HĐND và UBND phường)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.562.279
1	Chi Quốc phòng và an ninh	6.276.081
1.1	Chi an ninh (830-041-12)	2.989.821
	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	2.989.821
1.1.1	Tổ ANTT	2.789.821
1.1.2	Hoạt động ANTT	200.000
1.2	Chi Quốc phòng (830-011-12)	3.286.260
	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	3.286.260
1.2.1	Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp, trợ cấp	2.786.260
1.2.2	Hoạt động	500.000
2	Chi sự nghiệp đào tạo (830-085-12)	500.000
	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	500.000
2.1	Chi sự nghiệp đào tạo	500.000
3	Chi các hoạt động kinh tế	3.085.161
	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	3.085.161
3.1	Kiến thiết thị chính (830-312-12)	180.161
	Chăm sóc cây xanh, thảm cỏ	180.161
3.2	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác (830-338-12)	2.905.000
3.2.1	Kinh phí phục vụ công tác sắp xếp tổ chức lại chính quyền 02 cấp	1.500.000
3.2.2	Sửa chữa thay thế trang thiết bị tại bộ phận một cửa chuyển đổi thành Trung tâm phục vụ hành chính công	405.000
3.2.3	Chi Chương trình MTQG NTM (Vốn sự nghiệp xã Long Giang, xã Bình Sơn cũ chuyển giao)	1.000.000
4	Chi quản lý nhà nước	10.701.037
4.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ (830-341-13)	2.525.203
4.1.1	Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp CB,CC	1.925.203
4.1.2	Chi hoạt động thường xuyên	600.000

4.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (830-341-12)	8.175.834
4.2.1	Chi phụ cấp, hoạt động HĐND	500.000
4.2.2	Chi PC người hoạt động KCT cấp xã	1.832.525
4.2.3	Chi PC người hoạt động KCT khu phố, thôn ấp	1.969.110
4.2.4	Hỗ trợ người trực tiếp tham gia công việc ở thôn ấp	504.000
4.2.5	Kinh phí khen thưởng	750.000
4.2.6	KP chi trả chế độ thôi việc	845.336
4.2.7	KP phục vụ công tác tại Trung tâm hội nghị, nhà khách	300.000
4.2.8	Nhiệm vụ chi đặc thù khác	500.000
4.2.9	Dự toán chưa phân bổ (<i>Đại hội Đảng, chi HT thôi việc lực lượng dân quân...</i>)	974.863

VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH
Chương 830

Biểu mẫu số: 49
Ban hành kèm theo
TT 342/2016/TT-BTC



PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-VP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng HĐND và UBND phường)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng
			Văn phòng HĐND và UBND phường
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.562.279	20.562.279
1	Chi Quốc phòng và an ninh	6.276.081	6.276.081
1.1	Chi an ninh (830-041-12)	2.989.821	2.989.821
	<i>Kinh phí giao không thực hiện tự chủ</i>	<i>2.989.821</i>	<i>2.989.821</i>
1.1.1	Tổ ANTT	2.789.821	2.789.821
1.1.2	Hoạt động ANTT	200.000	200.000
1.2	Chi Quốc phòng (830-011-12)	3.286.260	3.286.260
	<i>Kinh phí giao không thực hiện tự chủ</i>	<i>3.286.260</i>	<i>3.286.260</i>
1.2.1	Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp, trợ cấp	2.786.260	2.786.260
1.2.2	Hoạt động	500.000	500.000
2	Chi sự nghiệp đào tạo (830-085-12)	500.000	500.000
	<i>Kinh phí giao không thực hiện tự chủ</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>
2.1	Chi sự nghiệp đào tạo	500.000	500.000
3	Chi các hoạt động kinh tế	3.085.161	3.085.161
	<i>Kinh phí giao không thực hiện tự chủ</i>	<i>3.085.161</i>	<i>3.085.161</i>
3.1	Kiến thiết thị chính (830-312-12)	180.161	180.161
	Chăm sóc cây xanh, thảm cỏ	180.161	180.161
3.2	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác (830-338-12)	2.905.000	2.905.000
3.2.1	Kinh phí phục vụ công tác sắp xếp tổ chức lại chính quyền 02 cấp	1.500.000	1.500.000
3.2.2	Sửa chữa thay thế trang thiết bị tại bộ phận một cửa chuyển đổi thành Trung tâm phục vụ hành chính công	405.000	405.000
3.2.3	Chi Chương trình MTQG NTM (Vốn sự nghiệp xã Long Giang, xã Bình Sơn cũ chuyển giao)	1.000.000	1.000.000
4	Chi quản lý nhà nước	10.701.037	10.701.037
4.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ (830-341-13)	2.525.203	2.525.203
4.1.1	Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp CB,CC	1.925.203	1.925.203
4.1.2	Chi hoạt động thường xuyên	600.000	600.000
4.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (830-341-12)	8.175.834	8.175.834

4.2.1	Chi phụ cấp, hoạt động HĐND	500.000	500.000
4.2.2	Chi PC người hoạt động KCT cấp xã	1.832.525	1.832.525
4.2.3	Chi PC người hoạt động KCT khu phố, thôn ấp	1.969.110	1.969.110
4.2.4	Hỗ trợ người trực tiếp tham gia công việc ở thôn ấp	504.000	504.000
4.2.5	Kinh phí khen thưởng	750.000	750.000
4.2.6	KP chi trả chế độ thôi việc	845.336	845.336
4.2.7	KP phục vụ công tác tại Trung tâm hội nghị, nhà khách	300.000	300.000
4.2.8	Nhiệm vụ chi đặc thù khác	500.000	500.000
4.2.9	Dự toán chưa phân bổ (<i>Đại hội Đảng, chi HT thôi việc lực lượng dân quân...</i>)	974.863	974.863
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1150637	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	1779	